|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Văn bản áp dụng pháp luật** |
| **Khái niệm** | Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này.  Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.  (Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015) | Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, do cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ban hành, được áp dụng một lần trong đời sống và bảo đảm thực hiện bằng sự cưỡng chế Nhà nước |
| **Thẩm quyền ban hành** | Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (Chương II Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015) | Do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức, cá nhân được Nhà nước trao quyền ban hành, dựa trên các quy phạm pháp luật cụ thể để giải quyết một vấn đề pháp lý cụ thể.  Ví dụ: Chánh án Tòa án căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên án đối với cá nhân tổ chức liên quan thông qua bản án |
| **Nội dung ban hành** | Chứa đựng các quy tắc xử sự chung được Nhà nước bảo đảm thực hiện và được áp dụng nhiều lần trong thực tế cuộc sống, được áp dụng trong tất cả các trường hợp khi có các sự kiện pháp lý tương ứng xảy ra cho đến khi nó hết hiệu lực.  Ví dụ: Nếu có tranh chấp hợp đồng mua bán đất thì dựa trên tình huống thực tế áp dụng Luật đất đai 2014 và Bộ luật dân sự 2015. | Chứa quy tắc xử sự riêng. Áp dụng một lần đối với một tổ chức cá nhân là đối tượng tác động của văn bản, nội dung của văn bản áp dụng pháp luật chỉ rõ cụ thể cá nhân nào, tổ chức nào phải thực hiện hành vi gì. Đảm bảo tính hợp pháp (tuân thủ đúng các văn bản quy phạm pháp luật), phù hợp với thực tế (đảm bảo việc thi hành). Mang tính cưỡng chế nhà nước cao.  Ví dụ: Bản án chỉ rõ cá nhân nào phải thực hiện nghĩa vụ gì: Nguyễn Văn A phải bồi thường cho Lê Văn B 20 triệu đồng. Đối tượng ở đây là cụ thể A và B không áp dụng cho bất kỳ cá nhân tổ chức nào khác. |
| **Hình thức tên gọi** | Các hình thức quy định tại điều 4 Luật ban hành VBQPPL 2015 (Hiến pháp, Bộ luật, Luật,…) | Chưa được pháp luật hóa tập trung về tên gọi và hình thức thể hiện.  (Thường được thể hiện dưới hình thức: Quyết định, bản án,…) |
| **Phạm vi áp dụng** | Rộng rãi. Áp dụng là đối với tất cả các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định. | Đối tượng nhất định được nêu trong văn bản |
| **Cơ sở ban hành** | Dựa trên Hiến pháp, Luật, các văn bản quy phạm pháp luật cao hơn với văn bản quy phạm pháp luật là nguồn của luật. | Thường dựa vào một văn bản quy phạm pháp luật hoặc dựa vào văn bản áp dụng pháp luật của chủ thể có thẩm quyền. Văn bản áp dụng pháp luật hiện tại không là nguồn của luật |
| **Trình tự ban hành** | Theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 | Luật không có quy định trình tự |
| **Thời gian có hiệu lực** | Lâu dài.  Ví dụ: Luật sở hữu trí tuệ 2005 vẫn có hiệu lực cho đến nay | Thời gian có hiệu luật ngắn theo vụ việc. |